

A member of **HLB** International

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 30
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/01/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Cung	Thành viên
Bà Đỗ Thị Phương	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Quang Thân	Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2018)
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Anh	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Đắc Huân	Thành viên
Ông Lê Quang Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

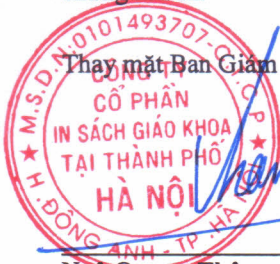
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Quang Thân

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội được lập ngày 18/02/2019, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 03 năm 2018.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2290-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		20.237.900.409	21.329.325.148
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.603.413.094	3.071.508.451
111	1. Tiền		2.603.413.094	1.044.419.562
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.027.088.889
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	12.000.000.000	8.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.000.000.000	8.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.674.261.483	5.080.597.937
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	958.072.898	3.558.572.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	128.514.008	115.200.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.652.874.577	1.472.025.445
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(65.200.000)	(65.200.000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.743.179.203	5.177.218.760
141	1. Hàng tồn kho		2.850.709.471	5.385.358.576
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(107.530.268)	(208.139.816)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		217.046.629	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	123.706.667	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		93.339.962	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.630.607.541	18.947.902.791
220	I. Tài sản cố định		6.530.106.513	5.856.334.416
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	6.530.106.513	5.856.334.416
222	- Nguyên giá		49.088.783.940	48.343.636.849
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.558.677.427)	(42.487.302.433)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		13.087.777.902	12.846.585.804
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	13.087.777.902	12.846.585.804
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.012.723.126	244.982.571
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.012.723.126	244.982.571
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		40.868.507.950	40.277.227.939

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.536.263.612	17.323.612.451
310	I. Nợ ngắn hạn		17.536.263.612	2.871.612.887
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	666.569.976	854.666.250
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		15.989.103	10.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	61.348.498	152.945.533
314	4. Phải trả người lao động		1.278.862.113	1.111.437.111
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	15.377.649.318	696.842.813
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		135.844.604	45.721.180
330	II. Nợ dài hạn		-	14.451.999.564
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	-	14.451.999.564
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.332.244.338	22.953.615.488
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	23.332.244.338	22.953.615.488
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.159.850.000	20.159.850.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.159.850.000	20.159.850.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(943.752.685)	(943.752.685)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.589.722.101	2.589.722.101
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.526.424.922	1.147.796.072
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		97.845.660	1.147.796.072
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.428.579.262	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		40.868.507.950	40.277.227.939

P.T.G
Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu

P.T.G
Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	23.200.152.599	19.203.310.524
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.200.152.599	19.203.310.524
11	3. Giá vốn hàng bán	19	17.481.419.924	15.096.716.496
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.718.732.675	4.106.594.028
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	743.389.877	632.545.859
25	6. Chi phí bán hàng	21	95.329.354	45.177.420
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	4.836.732.554	3.312.819.870
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.530.060.644	1.381.142.597
31	9. Thu nhập khác	23	283.698.025	600.000
32	10. Chi phí khác		6.500.600	83.578.165
40	11. Lợi nhuận khác		277.197.425	(82.978.165)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.807.258.069	1.298.164.432
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	378.678.807	284.085.309
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.428.579.262</u>	<u>1.014.079.123</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25		535

PTG
Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu

PTG
Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng


Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.807.258.069	1.298.164.432
	2. Điều chỉnh cho các khoản		356.628.549	1.197.681.137
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		1.367.136.994	1.622.087.180
03	- Các khoản dự phòng		(100.609.548)	208.139.816
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(909.898.897)	(632.545.859)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.163.886.618	2.495.845.569
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.427.122.549	2.314.973.209
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.449.342.814	(525.109.768)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		185.409.011	(649.663.484)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(891.447.222)	(65.810.495)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(389.895.148)	(382.413.497)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.284.488)	(132.951.250)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.933.134.134	3.054.870.284
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.307.915.197)	(903.432.098)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		166.509.020	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12.000.000.000)	(8.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		8.000.000.000	7.900.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		678.563.211	387.408.141
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.462.842.966)	(616.023.957)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(938.386.525)	(926.841.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(938.386.525)	(926.841.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(468.095.357)	1.512.005.077
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.071.508.451	1.559.503.374
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.603.413.094	3.071.508.451

P.T.G
Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu

P.T.G
Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Ngô Quang Thân
Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/01/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.159.850.000 VND. Tương đương 20.159.850 cổ phần. Mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: In ấn sách và các sản phẩm giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế, xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

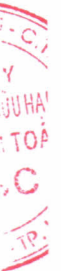
2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí thiết kế, giải phóng và đền bù cho hộ dân có đất nông nghiệp trong dự án được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trong năm, Công ty có các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các bên để đầu tư xây dựng nhà kho, nhà xưởng sản xuất theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, cụ thể như sau:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

201
CỔ
CH
NG
A
1/1

2.19. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ yếu trong lĩnh vực in ấn sách giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	76.398.004	273.388.025
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.527.015.090	771.031.537
Các khoản tương đương tiền	-	2.027.088.889
	2.603.413.094	3.071.508.451

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	12.000.000.000	12.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	12.000.000.000	12.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2018, đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng có tổng giá trị là 12.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đông Anh với lãi suất từ 5,7% đến 7%/ năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	-	2.606.428.415	-
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	18.550.000	-	410.412.876	-
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục miền Bắc	-	-	302.531.407	-
- Báo Giáo dục và Thời đại	287.989.991	-	-	-
- Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật	316.834.503	-	-	-
- Nhà xuất bản Đại học sư phạm	253.149.080	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	81.549.324	-	239.199.794	-
	958.072.898	-	3.558.572.492	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
	23.550.000	-	3.434.615.166	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

Nợ phải thu khách hàng tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính đều không có nợ quá hạn và các khoản nợ này có khả năng thu hồi cao. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ phải thu này.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Chiến Thắng	25.200.000	(25.200.000)	25.200.000	(25.200.000)
- Phạm Phúc Hà	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
- Công ty CP Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam	-	-	50.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Môi trường VINASEP	37.500.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Linh Long	25.814.008	-	-	-
	128.514.008	(65.200.000)	115.200.000	(65.200.000)

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	-	25.200.000	-
Phạm Phúc Hà	40.000.000	-	40.000.000	-
	65.200.000	-	65.200.000	-

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về vật tư cho mượn	527.199.184	-	503.713.801	-
Phải thu Lãi tiền gửi dự thu	309.964.384	-	245.137.718	-
Tạm ứng	669.007.500	-	679.288.738	-
Phải thu khác	146.703.509	-	43.885.188	-
	1.652.874.577	-	1.472.025.445	-
Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan	321.340.232	-	506.180.296	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.954.315.144	(107.530.268)	3.319.087.061	(208.139.816)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	597.780.579	-	531.045.964	-
Thành phẩm	298.613.748	-	1.535.225.551	-
	2.850.709.471	(107.530.268)	5.385.358.576	(208.139.816)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.604.048.247	41.518.370.285	1.985.579.317	235.639.000	48.343.636.849
- Tăng trong năm	-	2.040.909.091	-	-	2.040.909.091
- Giảm do thanh lý	-	(1.295.762.000)	-	-	(1.295.762.000)
Số dư cuối năm	4.604.048.247	42.263.517.376	1.985.579.317	235.639.000	49.088.783.940
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.095.261.412	36.710.997.857	1.457.369.164	223.674.000	42.487.302.433
- Khấu hao trong năm	225.058.065	929.299.021	200.814.908	11.965.000	1.367.136.994
- Giảm do thanh lý	-	(1.295.762.000)	-	-	(1.295.762.000)
Số dư cuối năm	4.320.319.477	36.344.534.878	1.658.184.072	235.639.000	42.558.677.427
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	508.786.835	4.807.372.428	528.210.153	11.965.000	5.856.334.416
Tại ngày cuối năm	283.728.770	5.918.982.498	327.395.245	-	6.530.106.513

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.781.844.809 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh ⁽ⁱ⁾	13.087.777.902	12.846.585.804
	13.087.777.902	12.846.585.804

⁽ⁱ⁾ Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh được tài trợ bằng nguồn kinh phí từ hợp đồng hợp tác số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội với các đơn vị là các công ty là thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Xem thêm Thuyết minh số 15). Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan. Sau khi hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất;
- Dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, Dự án chưa triển khai công tác xây dựng mặt bằng nhà xưởng do các bên đã thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án (Xem thêm tại Thuyết minh số 15). Phương án chuyển nhượng dự kiến này sẽ trình xin ý kiến tại Đại Hội đồng cổ đông và chỉ triển khai sau khi được phê duyệt chính thức. Chi phí phát sinh trong năm là tiền thuê đất và tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018, số tiền: 241.192.098 VND.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	58.674.167	-
- Chi phí khác	65.032.500	-
	123.706.667	-
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	122.722.944	49.173.788
- Chi phí sửa chữa văn phòng	738.149.194	-
- Chi phí khác	151.850.988	195.808.783
	1.012.723.126	244.982.571

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Hiền Hương	33.990.000	33.990.000	-	-
- Nhà máy in Bộ Tổng Tham Mưu	30.681.695	30.681.695	-	-
- Viện Năng suất Việt Nam	38.600.000	38.600.000	-	-
- Công ty TNHH Tổng hợp và Sản xuất giấy Hoàng Hải	335.873.769	335.873.769	-	-
- Công ty Cổ phần In Khoa học kỹ thuật	49.339.830	49.339.830	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất MiLan	48.626.754	48.626.754	-	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng và Thương mại Hồng Phúc	30.360.000	30.360.000	-	-
- Công ty TNHH TMQT Long Quang	-	-	628.100.000	628.100.000
- Công ty TNHH Ru lô Nam Hải	-	-	132.429.000	132.429.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	99.097.928	99.097.928	94.137.250	94.137.250
	<u>666.569.976</u>	<u>666.569.976</u>	<u>854.666.250</u>	<u>854.666.250</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	80.380.694	1.469.559.491	1.549.940.185	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	72.542.437	378.678.807	389.895.148	-	61.326.096
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.402	31.498.583	31.498.583	-	22.402
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.507.151.804	1.507.151.804	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	152.945.533	3.390.888.685	3.482.485.720	-	61.348.498

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	68.086.129	21.096.514
Bảo hiểm xã hội	-	82.816.797
Bảo hiểm y tế	-	86.098.678
Bảo hiểm thất nghiệp	-	45.068.566
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	14.693.192.564	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	5.614.950.001	-
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.419.098.000	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	5.659.144.563	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	616.370.625	461.762.258
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	56.321.120	46.165.145
- Phải trả về tiền thuế Thu nhập cá nhân	7.944.939	766.380
- Phải trả về vật tư vay, mượn	143.027.341	204.848.249
- Phải trả về tiền thù lao Hội đồng Quản trị	60.500.000	-
- Phải trả phải nộp khác	348.577.225	209.982.484
	15.377.649.318	696.842.813
b) Dài hạn		
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	-	14.451.999.564
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	5.524.503.001
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	3.358.799.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	-	5.568.697.563
	-	14.451.999.564
c) Phải trả khác là các bên liên quan	14.836.219.905	14.656.847.813

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

⁽ⁱ⁾ Đây là tiền góp vốn của các bên để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 (Xem thêm Thuyết minh 11). Ngày 09/08/2018, đại diện các bên đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án. Đồng thời, đại diện các bên cũng thống nhất lựa chọn đơn vị tư vấn luật để hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng dự án nêu trên. Do đó, khoản góp vốn đã được Công ty phân loại sang theo dõi trên khoản mục Phải trả ngắn hạn khác.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.189.490.635	22.995.310.051
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.014.079.123	1.014.079.123
Chia cổ tức	-	-	-	(948.542.500)	(948.542.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(107.231.186)	(107.231.186)
Số dư cuối năm trước	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.147.796.072	22.953.615.488
Lãi trong năm	-	-	-	1.429.974.506	1.429.974.506
Chia cổ tức	-	-	-	(948.542.500)	(948.542.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(101.407.912)	(101.407.912)
Số dư cuối năm nay	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.527.820.166	23.333.639.582

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 số 151/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2018, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100%	1.014.079.123
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	10,00%	101.407.912
Chi trả cổ tức (5%/cổ phần)	93,54%	948.542.500

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.269.760.000	50,94%	10.269.760.000	50,94%
Các cổ đông khác	9.890.090.000	49,06%	9.890.090.000	49,06%
Cộng	20.159.850.000	100%	20.159.850.000	100%



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.159.850.000	20.159.850.000
- Vốn góp cuối năm	<u>20.159.850.000</u>	<u>20.159.850.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	46.165.145	24.463.895
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	948.542.500	948.542.500
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>948.542.500</i>	<i>948.542.500</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	938.386.525	926.841.250
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>938.386.525</i>	<i>926.841.250</i>
- Số dư cuối năm	<u>56.321.120</u>	<u>46.165.145</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.015.985	2.015.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.015.985	2.015.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.015.985</i>	<i>2.015.985</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	118.900	118.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>118.900</i>	<i>118.900</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.897.085	1.897.085
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.897.085</i>	<i>1.897.085</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.589.722.101	2.589.722.101
	<u>2.589.722.101</u>	<u>2.589.722.101</u>

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
USD	101,71	101,71
EUR	102,33	102,33

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội với Nhà nước để sử dụng cho mục đích làm trụ sở làm việc, nhà kho và xưởng sản xuất từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích đất thuê lần lượt là 28.465,6 m² và 7662 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Tài sản giữ hộ

Tại 31/12/2018, Công ty đang nhận giữ vật tư in của Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội. Trong đó, giấy in các loại là 2.414,23 kg và vật tư đi kèm khác là 29,16 ram.

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn	18.198.373.388	15.442.821.810
Doanh thu khác	5.001.779.211	3.760.488.714
	23.200.152.599	19.203.310.524
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	17.430.356.655	16.186.419.276

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ in ấn	14.897.620.935	11.416.431.286
Giá vốn hàng bán khác	2.684.408.537	3.472.145.394
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(100.609.548)	208.139.816
	17.481.419.924	15.096.716.496

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	743.389.877	632.545.859
	743.389.877	632.545.859

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.329.354	45.177.420
	95.329.354	45.177.420

100%
CỔ
RÁCH
HÀNG
A
HÀNG

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.719.217.646	1.240.720.723
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	8.958.028	5.200.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.279.908	221.598.531
Thuế, phí và lệ phí	197.349.988	210.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.503.652.291	429.370.334
Chi phí khác bằng tiền	1.252.274.693	1.205.929.585
	4.836.732.554	3.312.819.870

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	166.509.020	-
Các khoản khác	117.189.005	600.000
	283.698.025	600.000

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.807.258.069	1.298.164.432
Các khoản điều chỉnh tăng	86.135.965	122.262.112
- Các khoản chi phí không được trừ	86.135.965	122.262.112
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.893.394.034	1.420.426.544
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	378.678.807	284.085.309
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	72.542.437	170.870.625
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(389.895.148)	(382.413.497)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	61.326.096	72.542.437

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.428.579.262	1.014.079.123
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.428.579.262	1.014.079.123
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.897.085	1.897.085
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	753	535

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.865.035.844	3.985.164.291
Chi phí nhân công	8.215.944.307	8.082.505.762
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	8.958.028	5.200.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.367.136.994	1.622.087.180
Thuế, phí và lệ phí	380.991.694	210.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.562.852.974	2.583.380.554
Chi phí khác bằng tiền	1.943.186.422	1.802.040.695
	21.344.106.263	18.290.379.179

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.603.413.094	-	3.071.508.451	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.610.947.475	-	5.030.597.937	-
Các khoản cho vay	12.000.000.000	-	8.000.000.000	-
	17.214.360.569	-	16.102.106.388	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	16.044.219.294	16.003.508.627
	16.044.219.294	16.003.508.627

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.603.413.094	-	-	2.603.413.094
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.610.947.475	-	-	2.610.947.475
Các khoản cho vay	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
	17.214.360.569	-	-	17.214.360.569
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.071.508.451	-	-	3.071.508.451
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.030.597.937	-	-	5.030.597.937
Các khoản cho vay	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
	16.102.106.388	-	-	16.102.106.388

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	16.044.219.294	-	-	16.044.219.294
	16.044.219.294	-	-	16.044.219.294
Tại ngày 01/01/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.551.509.063	14.451.999.564	-	16.003.508.627
	1.551.509.063	14.451.999.564	-	16.003.508.627

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:


	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn và bán hàng khác			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	56.525.427	63.712.848
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	13.002.223.908	10.236.589.693
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng tập đoàn	646.456.067	713.258.250
Công ty CP Sách đại học - dạy nghề	Cùng tập đoàn	-	241.129.566
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	1.504.441.408	2.003.707.322
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	16.863.640	152.578.065
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	71.206.791	131.296.748
Doanh thu cho thuê kho, cửa hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	1.508.203.517	1.608.519.381
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	246.096.696	347.918.200
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	91.501.959	142.093.822
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	226.837.242	425.615.381
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	Cùng tập đoàn	60.000.000	120.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:


	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		23.550.000	3.434.615.166
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	2.606.428.415
Công ty CP Sách đại học - dạy nghề	Cùng tập đoàn	5.000.000	115.242.468
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	-
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	18.550.000	410.412.876
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	-	302.531.407
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		332.800	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	332.800	-
Phải thu ngắn hạn khác		321.340.232	506.180.296
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	156.951.886	431.268.676
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	161.921.851	72.445.125
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	2.466.495	2.466.495
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		14.836.219.905	204.848.249
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	107.051.262	35.283.103
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	3.763.786	3.763.786
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	32.212.293	165.801.360
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư		14.693.192.564	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	5.614.950.001	-
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	3.419.098.000	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	Cùng tập đoàn	5.659.144.563	-
Các khoản phải trả dài hạn khác		-	14.451.999.564
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	3.358.799.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	5.524.503.001
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	-	5.568.697.563
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Thu nhập của Giám đốc		213.049.006	278.130.002
Thu nhập của người quản lý khác		352.384.961	419.834.699

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

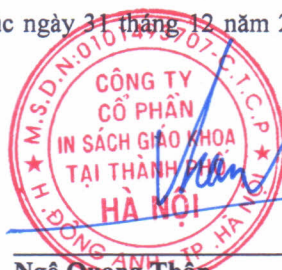
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.



Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu



Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019

